

# ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN: GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI VỀ CHẤT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM (TIẾP THEO KÌ TRƯỚC)

**TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN**

#### **4. Xây dựng hệ thống học suốt đời là bước phát triển mới về chất của giáo dục Việt Nam**

Đó là vì hệ thống học suốt đời (HSD), với việc mở rộng thời gian học và không gian học, đòi hỏi sự đoạn tuyệt với hệ thống giáo dục truyền thống trên nhiều phương diện, trước hết là cách dạy và học.

Trong hệ thống giáo dục truyền thống, người thầy được coi là nguồn cung cấp tri thức duy nhất. Việc dạy và học trên lớp chỉ là một quá trình “đọc-chép” hoặc “nhìn-chép”, trong đó người học cố công thu nhận tri thức, ghi nhớ và lặp lại. Hệ thống này hoàn toàn không phù hợp với việc cung cấp tri thức và năng lực cần thiết để người học thành công trong bước chuyển ngày nay của đất nước sang đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập và phát triển. Nó càng không phù hợp trong việc đáp ứng các nhu cầu đa dạng của các nhóm người học khác nhau về tuổi tác, trình độ, kinh nghiệm, sở trường, động lực, trong một xã hội hướng tới tri thức.

Để đáp ứng yêu cầu HSD cho mọi người, hệ thống HSD đòi hỏi sự phá vỡ các quan niệm truyền

thống về người dạy, người học, cách dạy, cách học, cách đánh giá. Nó cũng phá vỡ các giới hạn quen thuộc về tuổi học. Nó chuyển trọng tâm từ tri thức sang năng lực, trong đó ưu tiên là năng lực sáng tạo, áp dụng, phân tích, tổng hợp tri thức, năng lực làm việc theo nhóm, năng lực học cách học, cách tư duy, dám nghĩ dám làm, v.v...

Sự khác biệt về phương diện sư phạm giữa hệ thống giáo dục truyền thống và hệ thống HSD được các chuyên gia của Ngân hàng thế giới đúc kết trong bảng dưới đây (xem bảng).

#### **5. Xây dựng hệ thống HSD đòi hỏi đổi mới toàn diện giáo dục Việt Nam**

Để thực hiện bước phát triển mới về chất nói trên, giáo dục Việt Nam phải đổi mới toàn diện, từ việc tái cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đổi mới chương trình giáo dục, đổi mới đào tạo sư phạm đến đổi mới cơ chế tài chính giáo dục, đổi mới công tác quản lí.

Trước hết về cơ cấu hệ thống, hệ thống HSD gồm 3 phân hệ, về nguyên tắc được coi trọng như nhau và liên thông với nhau. Đó là giáo dục chính

	<b>Hệ thống giáo dục truyền thống</b>	<b>Hệ thống HSD</b>
1	Nhà giáo là nguồn cung cấp tri thức	Nhà giáo dục là người dẫn dắt tới các nguồn tri thức
2	Người học là học sinh, sinh viên trong nhà trường	Người học là bất kì ai, ở mọi lứa tuổi, trong nhà trường, ngoài nhà trường
3	Người học thu nhận tri thức từ nhà giáo	Người học học thông qua hành
4	Người học học một mình	Người học học theo nhóm và học lẫn nhau
5	Các bài kiểm tra được thực hiện để bảo đảm rằng người học đã hoàn tất các yêu cầu học tập và là cơ sở để được học lên	Việc đánh giá được sử dụng để chỉ ra cách học thích hợp cho người học và định hướng cho người học con đường tiếp tục trong học tập
6	Mọi người học đều học như nhau	Người học theo học các chương trình cá biệt hóa do nhà giáo dục đề xuất
7	Nhà giáo được đào tạo ban đầu, sau đó là đào tạo tại chức	Nhà giáo dục là người học suốt đời. Đào tạo ban đầu và quá trình phát triển nghề gắn bó chặt chẽ với nhau
8	“Người học tốt” được lọc ra và được tạo điều kiện học tiếp lên cao	Người nào cũng có cơ hội học tập suốt cuộc đời mình



quy, giáo dục không chính quy và giáo dục phi chính quy. Giáo dục chính quy là giáo dục hướng tới văn bằng, dù việc học là tập trung hay không tập trung, toàn thời gian hay bán thời gian, tại cơ sở giáo dục hay tự học. Giáo dục không chính quy và phi chính quy đều không đi tới văn bằng, sự khác biệt là ở chỗ giáo dục không chính quy được thực hiện có chủ đích (như việc học tại nơi làm việc, việc học thông qua tập huấn, hội thảo...), còn giáo dục phi chính quy thì không có chủ đích (như việc học tự phát diễn ra khi đọc một cuốn sách, xem triển lãm, thăm bảo tàng...).

Quan điểm cơ bản của hệ thống HSD là mọi việc học phải được công nhận về nội dung, chất lượng và kết quả, bất kể học ở đâu và như thế nào. Nói cách khác, cả ba phân hệ HSD phải liên thông để người học có thể dễ dàng di chuyển từ phân hệ này sang phân hệ khác. Để tạo sự liên thông này, bước tiến đặc biệt quan trọng trong hệ thống HSD so với hệ truyền thống là xây dựng cơ chế đánh giá để kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng mà người lao động có được trong giáo dục không chính quy và phi chính quy được công nhận về giá trị chuyển đổi, nhằm tạo cầu nối trong toàn hệ thống giáo dục.

Bản thân cơ cấu hệ thống của giáo dục chính quy cũng được thiết kế lại sao cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trở thành nền móng của HSD, còn các cơ sở giáo dục sau trung học (bao gồm trung cấp nghề, trung cấp kĩ thuật, cao đẳng, đại học, sau đại học) chính là các trung tâm HSD. Điều này có nghĩa là trong toàn bộ hệ thống giáo dục, cách tiếp cận chuyển từ cung sang cầu. Trước kia, hệ thống giáo dục truyền thống tập trung vào cung, lấy nhà trường làm trung tâm. Còn hệ thống HSD tập trung vào cầu, lấy nhu cầu người học làm trung tâm. Sự thay đổi này về tiếp cận cho phép mở rộng không gian giáo dục, khuyến khích các hình thức học tập đa dạng, thúc đẩy sáng kiến sư phạm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tạo động lực cho người học.

Đĩ nhiên chương trình giáo dục cũng phải thay đổi theo. Đó là sự đổi mới theo hướng nội dung chương trình, phương pháp dạy và học, cách đánh giá đều phải hướng tới việc cung cấp kĩ năng và động lực cần thiết để mọi người đều có cơ hội và khả năng học suốt đời. Việc dạy và học chuyển trọng tâm từ thu nhận tri thức sang sản sinh và áp dụng tri thức, từ học để thi và lấy văn bằng sang học để có kĩ năng giải quyết vấn đề, để biết cách học, để dám nghĩ dám làm...

Sự thay đổi về chương trình giáo dục, cùng quan niệm mới về vị trí và vai trò của nhà giáo trong hệ thống HSD, đòi hỏi bước chuyển căn bản trong hệ thống đào tạo giáo viên. Đó là *bước chuyển từ một hệ thống tĩnh tại và chia cắt như hiện nay sang hệ thống mở và động*, trong đó đào tạo giáo viên phải được coi là quá trình phát triển liên tục để giáo viên là người HSD, có khả năng tự chủ và năng lực nghề nghiệp trong việc tạo ra các môi trường học tập hiệu quả giúp người học thành công.

*Công tác quản trị giáo dục theo mô hình cũ không còn phù hợp.* Trước đây, chỉ cần một hoặc hai bộ chịu trách nhiệm chính trước chính phủ và xã hội về quản lí và điều hành giáo dục. Hệ thống HSD đòi hỏi thay thế kiểu quản trị tập quyền và đơn ngành này bằng kiểu quản trị phân quyền và đa ngành, trong đó các bộ, ngành, địa phương phải phối hợp chặt chẽ với nhau, chung sức xây dựng và thực thi chính sách HSD. Vì thế ở nhiều nước trên thế giới hiện nay, mô hình bộ giáo dục đã được thay thế bởi mô hình liên bộ như Bộ giáo dục, thanh niên và thể thao ở Pháp, Bộ giáo dục, văn hóa, thể thao và khoa học-công nghệ ở Nhật Bản.

*Cơ chế tài chính cho giáo dục cũng cần được thiết kế lại theo hướng đa dạng hóa nguồn cung và tăng hiệu quả-chi phí.* Nhà nước không còn là người duy nhất trong cung ứng giáo dục. Xã hội dân sự và doanh nghiệp đều có quyền và có nhiệm vụ tham gia vào việc cung ứng này. Vấn đề là ở chỗ nhà nước phải tạo dựng quan hệ công-tư hợp tác hữu hiệu sao cho giáo dục phát triển có chất lượng và bền vững trên cả một phổ rộng lớn về không gian và thời gian học tập. Việc đẩy mạnh ứng dụng ICT để mở rộng cơ hội học tập và tăng hiệu quả-chi phí trong giáo dục cũng đang là bước đi đột phá.

Bên cạnh sự đổi mới ở cấp hệ thống nêu trên, điều quan trọng là phải tạo dựng được *một nhu cầu nội tại về đổi mới* ở tất cả các cơ sở giáo dục và các thiết chế xã hội. Hệ thống HSD đòi hỏi một sự đổi mới liên tục, một mạng liên kết mới theo chiều dọc (giữa các cấp học và trình độ đào tạo), theo chiều ngang (giữa các địa phương), theo quan hệ nhà trường-doanh nghiệp, cơ sở giáo dục-cơ sở văn hóa, trong nước-ngoài nước. Điều này không thể thực hiện được bằng những văn bản chỉ đạo từ trên xuống, mà phải xuất phát từ động lực, sáng kiến, sự chủ động, lòng nhiệt tâm của đội ngũ các nhà quản lí, người dạy, người học, người lao động, trong nhà trường cũng như tại mọi cơ quan, tổ chức.

## 6. Kết luận

Khái niệm HSD đã được đưa vào chính sách giáo dục Việt Nam từ năm 1993 trong NQTV4 (khóa VII). Tuy nhiên, *chủ trương xây dựng hệ thống HSD* mới chỉ được chính thức nêu lên vào năm 2006, khi Đại hội Đảng X yêu cầu: “Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở – mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục” (ĐCSVN 2006: 95).

Đáng tiếc, chủ trương trên đã bị bỏ quên suốt 5 năm nay. Đề án xây dựng xã hội học tập theo QĐ 112 ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ mới chỉ là kiểu tiếp cận thăm dò, bước đầu, vẫn mang tính chấp vá, tập trung chủ yếu vào phát triển giáo dục thường xuyên. Trên thực tế, đến nay, chúng ta chưa có động thái rõ rệt trong chính sách giáo dục, trong cách tiếp cận tổng thể, cũng như trong nghiên cứu khoa học giáo dục về việc chuyển hệ thống giáo dục hiện có sang hệ thống HSD cùng với việc xây dựng xã hội học tập. Điều này, như đã nói ở trên, gắn liền với các rào cản trong nhận thức và trong tổ chức thực hiện chủ trương HSD ở nước ta. Trong đó, điều quan trọng nhất là cho đến nay, mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn chủ yếu là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, mô hình này không đặt ra yêu cầu bức bách về HSD đối với người lao động. Mới đây, HNTW3 (khóa XI) đã xem xét và quyết định một nội dung mới rất quan trọng là phải tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. “Đây là nhiệm vụ rất lớn và phức tạp, đòi hỏi phải được triển khai thực hiện đồng bộ trong tất cả các ngành, các lĩnh vực trên phạm vi cả nước và ở từng địa phương, đơn vị cơ sở trong nhiều năm” (Tổng Bí thư 2011). Đối với giáo dục, điều đó có nghĩa là *nhất thiết phải chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình HSD*.

Đó chính là sự cụ thể hóa chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam. Nó cũng đáp ứng các yêu cầu về phát triển nhanh nguồn nhân lực và phục vụ cho việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, gắn liền phát triển nhanh với phát triển bền vững, như đã được đặt ra từ đầu bài viết.

Vấn đề còn lại là lựa chọn hệ thống HSD nào cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Trả lời vấn đề này có thể có nhiều kịch bản khả dĩ (xem Phạm 2010). Việc lựa chọn kịch bản phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, truyền thống, quốc tế. Các yếu tố này đều có thể tác động tới quỹ đạo vận động của hệ thống giáo dục Việt Nam trên con đường chuyển đổi sang hệ thống HSD. Việc nhận dạng các yếu tố này là rất cần thiết để hình dung và định hướng cho *kịch bản mong muốn nhất và khả thi nhất* của hệ thống HSD của nước ta trong tương lai.

Trong sự định hướng đó đã có một định hướng rất quan trọng. Đó là chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Việc làm rõ định hướng này trong việc hình thành hệ thống HSD ở nước ta không thuộc phạm vi bài viết này. Nó đòi hỏi nhiều nghiên cứu tiếp tục, theo chiều sâu, với những tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu các tương lai của giáo dục.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anthony, C.O. 2010, *A brief overview of lifelong learning in Japan*, The Language Teacher, Special Issue Nov/Dec 2010.
2. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2009, *Báo cáo kết quả suy rộng mẫu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009*.
3. Bryony, H., Fernando, C., và Ulrich, S. 2010, *Making lifelong learning tangible! The ELLI Index Europe 2010*, Gutersloh: Bertelsmann Stiftung.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Hà Nội, NXB Chính trị quốc gia.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội, NXB Chính trị quốc gia.
6. Phạm, Đ.N.T, 2009, *Obstacles to lifelong learning in Vietnam and some suggested solutions*, Báo cáo tham luận tại Hội nghị quốc tế ASEM về “Tăng cường cơ hội và dỡ bỏ rào cản đối với việc học suốt đời”, 29-30/10/2009, Nha Trang, Việt Nam.
7. Phạm, Đ.N.T. 2010, *Scenarios for Vietnam education on the way of building a learning society*, trong Vietnam Forum Lifelong Learning Building a Learning Society Proceedings, ASEM LLL Hub and UNESCO Hanoi Office, Hanoi: News Agency Publishing House.
8. Sawat, T. 2003, *Thailand EFA Nation Plan of Action*, Báo cáo tại cuộc họp do ACCU và APPEAL đồng tổ chức về các chương trình giáo dục không

(Xem tiếp trang 48)